| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 2150/2024/ KDTM-ST
Ngày: 29/5/2024
*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST- KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2078/2024/QĐXXST-DS ngày 11/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2784/2024/QĐST-KDTM ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại DV xuất nhập khẩu Đoàn Gia

Trụ sở: N7 Cư xá T, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc A và/hoặc bà Nguyễn Thị Y (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023) (có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên D (vắng mặt).

Trụ sở: Số A Đường số I, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số G đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH T2 có bà Nguyễn Ngọc A là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/01/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (Sau đây gọi là "Công ty T2") và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D (Sau đây gọi là "Công ty D") có ký kết Hợp đồng mua bán số 1901-2022HĐMB/DG- CJ190122 về việc mua bán những hàng hoá được liệt kê cụ thể tại Hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng ban đầu là 538.510.500 (Năm trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười nghìn năm trăm) đồng. Sau quá trình trao đổi, thoả thuận, các bên thống nhất thay đổi các sản phẩm cụ thể so với Hợp đồng mua bán ban đầu theo yêu cầu của Công ty D. Căn cứ theo Bảng quyết toán số 01042022/QT-DG-CJ, tổng giá trị hợp đồng thay đổi thành 545.880.500 (Năm trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm) đồng.

Căn cứ theo Biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình và Bảng quyết toán số 01042022/QT-DG-CJ có xác nhận của các bên, kể từ ngày 09/04/2022 các bên đã hoàn thành việc nghiệm thu toàn bộ sản phẩm được giao, Công ty T2 đã hoàn tất mọi nghĩa vụ theo thoả thuận.

Theo Hợp đồng mua bán số 1901-2022HDMB/DG-CJ190122 và Bảng quyết toán số 01042022/QT-DG-CJ, Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền là 545.880.500 đồng. Tuy nhiên, tính đến hiện tại và căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/03/2023 thì Công ty D mới chỉ thanh toán cho Công ty T2 số tiền là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty D còn nợ Công ty T2 theo thoả thuận là 245.880.500 đồng. Kể từ ngày Công ty T2 hoàn tất việc bàn giao và nghiệm thu cho tới nay, Công ty đã nhiều lần yêu cầu Công ty D thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, phía Công ty D liên tục trốn tránh và không hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận, kéo dài việc thanh toán gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty Đ

Nay tại Tòa, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH MTV D thanh toán tổng số tiền còn nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 08/4/2024 là 334.880.241 (Ba trăm ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng, trong đó: Số tiền nợ là 245.880.500 đồng; Tiền lãi chậm trả 89.008.741 (T mươi chín triệu không trăm linh tám nghìn bảy trăm bốn mươi mốt) đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên D còn phải thanh toán phần tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn - Công ty TNHH Một thành viên D vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 tranh chấp yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên D, địa chỉ trụ sở chính: Số A Đường số I, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán số tiền hàng hóa theo Hợp đồng mua bán số 1901-2022HĐMB/DG- CJ190122 Đây là tranh chấp giữa phát sinh giữa các pháp nhân và nhằm mục đích sinh lợi nên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do tại thời điểm Tòa án thụ lý, bị đơn có trụ sở tại Thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký doanh nghiệp thể hiện Công ty TNHH Một Thành Viên D; Mã số doanh nghiệp : 03123312290, Đăng ký lần đầu vào ngày 06/6/2016, Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 28/7/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Số A Đường số I, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Về thông tin người đại diện theo pháp luật: Ông Lee S, sinh năm 1972; Địa chỉ thường trú: 201 tòa nhà A Chung cư L, Y1- D, N, B, Hàn Quốc; Địa chỉ liên lạc: Số G đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm Văn phòng T3 thực hiện giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự, ghi nhận Công ty TNHH Một Thành Viên D có treo biển nhưng đóng cửa không có nhân viên làm việc. Ngày 27/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức có Phiếu yêu cầu xác minh số 4255 xác minh Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố T về hoạt động công ty, kết quả như sau: Tại thời điểm xác minh Công ty TNHH Một Thành Viên D, địa chỉ số A Đường số I không có treo biển hiệu, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký.

Ngày 27/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức có Phiếu yêu cầu xác minh số 4527, xác minh Công an phường A, thành phố T về thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một Thành Viên D là ông Lee S, sinh năm 1972 (Địa chỉ liên lạc theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp). Kết quả xác minh thể hiện: tại địa chỉ số G đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh không có người tên Lee SangChul đăng ký thường trú, tạm trú hay cư trú.

Do không thể tống đạt trực tiếp được nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Công ty TNHH Một Thành Viên D và tại địa chỉ nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật là ông Lee S1 Chul theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên D và ông Lee S - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một Thành Viên D đều vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

*[3] Về nội dung tranh chấp*

*[3.1] Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV D thanh toán tổng số tiền còn nợ gốc là 245.880.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Công ty C theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 0304835346. Đăng ký lần đầu ngày 26/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/3/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp.

Công ty TNHH Một Thành Viên D; Mã số doanh nghiệp: 03123312290, Đăng ký lần đầu vào ngày 06/6/2016, Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 28/7/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Số A Đường số I, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp.

Ngày 19/01/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D có ký kết Hợp đồng mua bán số 1901-2022HĐMB/DG- CJ190122 về việc mua bán những hàng hoá được liệt kê cụ thể tại Hợp đồng. Như vậy, hợp đồng được ký là phù hợp với chức năng ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ vào Bảng quyết toán số 01042022/QT-DG-CJ, Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền là 545.880.500 đồng.

Căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/03/2023 xác nhận: Công ty D đã thanh toán cho Công ty T2 số tiền là 300.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/3/2023, Công ty D1 còn nợ Công ty T2 theo thoả thuận là 245.880.500 đồng và thỏa thuận sẽ thanh toán vào ngày 31/3/2023. Nhưng cho đến nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D vẫn chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ cho Công ty T2 là vi phạm thỏa thuận của các bên trong Biên bản xác nhận công nợ.

Để đánh giá chứng cứ được khách quan và đầy đủ, ngày 08/4/2024 Tòa đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cho các bên đương sự. Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D không có văn bản phản đối nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố

tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà Công ty T2 đưa ra.

Do đó, căn cứ Điều 50, Điều 55, Luật Thương mại 2005 thì yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải thanh toán số tiền hàng còn nợ 245.880.500 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) là có cơ sở nên chấp nhận.

*[3.3] Về thời điểm tính lãi và lãi suất: Yêu cầu Công ty D1 thanh toán tiền lãi chậm trả là 0,05%/ ngày, kể từ ngày 09/5/2022 cho đến ngày 29/5/2024 với số tiền là 92.451.068 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV D còn phải thanh toán phần tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng mua bán: "Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bên A hoàn tất nghiệm thu công trình, nếu bên B không thanh toán kịp thời cho bên A theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này thì bên B đồng ý trả cho bên A lãi suất 0,05%/ tổng số tiền chậm trả mỗi ngày cho bên A".

Theo Biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình, các bên cùng xác nhận các ngày giao hàng Đợt 1 là ngày 22/01/2022; Đợt 2 là ngày 02/4/2022; Đợt 3 là ngày 09/4/2022. Biên bản xác nhận công nợ, Công ty D1 còn nợ Công ty T2 là 245.880.500 đồng. Do đó, Công ty T2 yêu cầu tính lãi từ ngày 09/5/2022 trên số tiền gốc chưa thanh toán là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ theo Điều 6 của Hợp đồng, Công ty T2 có quyền yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi Công ty D1 thực tế trả hết công nợ với lãi suất theo lãi suất 0,05%/ngày (tương đương với 18,25 %/năm) là phù hợp với Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Như vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/5/2024 là 338.331.568 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 245.880.500 đồng và tiền lãi chậm trả là 92.451.068 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV D còn phải thanh toán phần tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*[4] Về án phí:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 không phải chịu vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Ghi nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và về việc rút kinh nghiệm do vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 , khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50, Điều 55, Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/5/2024 là 338.331.568 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 245.880.500 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi chậm trả là 92.451.068 đồng (chín mươi hai triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi tám đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D còn phải thanh toán phần tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận Hợp đồng mua bán số 1901-2022HĐMB/DG- CJ190122 ngày 19/01/2022.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 16.916.578 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D chưa nộp án phí.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 không phải chịu vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.268.842 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0003239 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tai Điều 30 Luật Thi hành án dân sư.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Nga**